

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST

Ngày: 12/9/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành

2. Ông Ngô Xuân Dệt

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim O

Địa chỉ: Số 62 đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T

Cùng địa chỉ: 153 đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông T có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị Kim O trình bày:

Do mối quan hệ bạn bè thân quen nên ngày 16/01/2015, bà O cho vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T vay 200.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất do hai bên thỏa thuận.

Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T chỉ trả cho bà O 105.000.000 đồng.

Đến ngày 29/9/2017, ông Hoàng Văn T cam kết kết sẽ trả cho bà O 95.000.000 đồng trước ngày 30/9/2017. Nhưng mãi đến nay, vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T vẫn chưa trả số tiền còn lại 95.000.000 đồng.

Do vậy, bà Phan Thị Kim O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T phải trả 95.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 16/01/2015 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày 03/12/2018 là 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị Kim O thay đổi nội dung yêu cầu, cụ thể về lãi suất bà O yêu cầu ông T và bà T phải thanh toán lãi chậm trả của số tiền còn nợ 95.000.000 đồng tính từ ngày 30/12/2017 đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp: 01 Sổ hộ khẩu (Bản phô tô); 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị Kim O (Bản phô tô); 01 Giấy vay tiền (Bản chính) và 01 văn bản xác nhận nợ (Bản phô tô).

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 4 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Hoàng Văn T trình bày:

Ông Hoàng Văn T thừa nhận từ ngày 29/9/2017, ông còn nợ Phan Thị Kim O số tiền là 95.000.000 đồng. Ông đồng ý trả số tiền này cho bà Phan Thị Kim O khi có điều kiện.

Về lãi suất chậm trả: Ông Trung không đồng ý trả lãi suất chậm trả theo yêu cầu của bà Phan Thị Kim O.

Tuy nhiên, ông Trung cho rằng đối với khoản nợ 95.000.000 đồng là khoản nợ của riêng ông không liên quan đến bà Thu vì: Đến ngày 29/9/2017, các bên đã thỏa thuận, thống nhất là ông Trung ký nhận còn nợ bà Phan Thị Kim O số tiền là 95.000.000 đồng, một mình ông T ký vào giấy xác nhận nợ, do vậy chỉ một mình ông T có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phan Thị Kim O.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 4 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị T trình bày:

Vợ chồng bà có ký sổ nợ bà Phan Thị Kim O số tiền 200.000.000 đồng nhưng đã thanh toán 105.000.000 đồng. Hai bên đã thống nhất phần trả số tiền 105.000.000 đồng là do bà T trả và phần còn lại ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà O, ông T đã ký xác nhận nợ cụ thể là ngày 29/9/2017, ông Trung còn nợ bà Phan Thị Kim O số tiền là 95.000.000 đồng. Do vậy, số tiền còn nợ 95.000.000 đồng này là tiền nợ riêng của ông T không phải nợ chung của vợ chồng nữa nên bà T không đồng ý trả cùng với với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà Phan Thị Kim O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền là 95.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ này phát sinh từ hợp đồng vay tài sản giữa bà Phan Thị Kim O và vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn là ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T có nơi cư trú tại 153 đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét giao dịch giữa nguyên đơn bà Phan Thị Kim O với bị đơn vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 16/01/2015 thì vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T có vay bà Phan Thị Kim O số tiền 200.000.000 đồng, giấy vay tiền này có chữ ký của vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T. Xét giấy vay tiền này không thể hiện thời hạn trả nợ và không có thỏa thuận về lãi. Như vậy, hợp đồng đã giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn thì: *“Đối với hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...”*. Nguyên đơn bà Phan Thị Kim O đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền là đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Phan Thị Kim O khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T phải trả số tiền còn nợ là 95.000.000 đồng. Phía bị đơn, ông T và bà T đã thừa nhận là còn nợ bà O số tiền 95.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn, ông T và bà T cho rằng số nợ còn lại là số nợ của riêng một mình ông T với bà O là không có căn cứ vì: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 16/01/2015 thì vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T có vay bà Phan Thị Kim O số tiền 200.000.000 đồng, giấy vay tiền này có chữ ký của vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T. Đây là nợ chung của vợ chồng ông T và bà Thu nên hai vợ chồng phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà O. Mặt khác, tại văn bản xác nhận nợ ngày 29/9/2017 có nội dung ông T xác nhận ông đã trả cho bà O số tiền 105.000.000 đồng và còn nợ lại là 95.000.000 đồng. Do vậy, bà T cho rằng số tiền 105.000.000 đồng đã trả cho bà O là do bà T trả là không có căn cứ.

[3] Về số tiền lãi: Xét nội dung nguyên đơn bà O yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm trả của số tiền 95.000.000 tính từ ngày 30/12/2017 đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật thì thấy rằng:

Tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Đối chiếu với quy định trên thấy rằng: Tại văn bản xác nhận nợ ngày 29/9/2017 có nội dung ông Trung xác nhận còn nợ lại bà O là 95.000.000 đồng và cam kết sẽ trả cho bà Phan Thị Kim O khoản nợ này trước ngày 30/12/2017. Từ ngày 30/12/2017 đến nay, ông T và bà T chưa trả cho bà Oanh đối với khoản vay còn lại 95.000.000 đồng, cho nên kể từ ngày 30/12/2017, ông T và bà T phải thanh toán cho bà O số tiền chậm trả đối với số tiền 95.000.000đ với lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về tiền lãi chậm trả đối với khoản nợ còn lại 95.000.000 đồng, được tính từ ngày 30/12/2017 đến ngày xét xử 12/9/2019. Tuy nhiên, từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/9/2019 là 20 tháng 12 ngày, do vậy Hội đồng xét xử tính tròn là 20 tháng, còn đối với 12 ngày lẻ sẽ tính vào lãi suất phát sinh sau này (điều này có nghĩa là để làm tròn thời gian chậm trả, Hội đồng xét xử tạm tính lãi chậm trả từ ngày 30/12/2017 đến ngày 31/8/2019, thời gian chậm trả từ ngày 01/9/2019 đến khi bị đơn trả xong khoản nợ sẽ được tính sau). Như vậy, tiền lãi chậm trả một tháng bằng $(95.000.000 \times 0.83)/100 = 788.500$ đồng và tiền lãi chậm trả trong thời gian 20 tháng là 788.500×20 tháng bằng 15.770.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể là 5% giá trị tài sản có tranh chấp, tổng cộng là 5.538.500đ (Năm triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm đồng). Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 274; Điều 275; Điều 357; Điều 463; 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Kim O đối với bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T.

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Phan Thị Kim O số tiền nợ gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 15.770.000đ (Mười lăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày 01/9/2019 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T phải nộp 5.538.500đ (Năm triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Phan Thị Kim O 3.250.000đ (Ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0004361 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng đối với bị đơn bà Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Rmah HThuyên